

Số: 05/GERU-BKS 2023

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 10 năm 2023

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT  
CTY CP THỂ THAO NGÔI SAO GERU QUÝ 3 NĂM 2023**

Kính gửi : - Hội đồng Quản trị Công ty

Ban Kiểm soát xin báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Thể thao Ngôi sao Geru; hoạt động của Hội đồng quản trị; Ban Giám đốc Công ty CP Thể thao Ngôi sao Geru quý 3 năm 2023 như sau:

**I. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Quý 3 năm 2023, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc có các hoạt động sau:

- Đã thực hiện thỏa thuận quỹ tiền lương kế hoạch năm 2023 với Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.
- Phê duyệt kế hoạch mua sắm thường xuyên năm 2023.
- Chấp nhận chủ trương ký kết hợp đồng giao dịch giữa công ty với “đơn vị có liên quan Công ty CP cao su Phước Hòa.
- Làm việc với Trường chính sách công và phát triển nông thôn về phương án tái cấu trúc doanh nghiệp 2021-2026.
- Đánh giá xếp loại người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên, người đại diện vốn tại công ty năm 2022

**II. Kết quả giám sát tình hình hoạt động tài chính của Công ty**

**1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 3 năm 2023**

Các chỉ tiêu	ĐVT	Quý 3 2022	9 tháng đầu năm	Năm 2023			So sánh (%)		
				Kế hoạch	Quý 3	9 tháng đầu năm	TH/KH	2023/2022	9 th TH/KH
I. Sản lượng sản xuất	Quả	289,528	871,896	1,089,916	179,847	727,965	16.50%	62.12%	66.79%
- Bóng cao su	"	248,526	747,797	950,000	136,311	563,205	14.35%	54.85%	59.28%
- Bóng khâu	"	8,143	32,183	48,000	12,217	46,447	25.45%	150.03%	96.76%
- Bóng dán	"	32,859	91,916	91,916	31,319	118,313	34.07%	95.31%	128.72%
II. Sản lượng tiêu thụ	Quả	301,941	884,676	1,136,000	166,366	655,025	14.64%	55.10%	57.66%
- Nội địa	"	176,481	510,185	677,000	99,312	381,077	14.67%	56.27%	56.29%
- Xuất khẩu	"	125,460	374,491	459,000	67,054	273,948	14.61%	53.45%	59.68%
- Cao su	Tấn	141	241.92	300	-	201.60	0.00%		67.20%

Các chỉ tiêu	ĐVT	Quý 3 2022	9 tháng đầu năm	Năm 2023			So sánh (%)		
				Kế hoạch	Quý 3	9 tháng đầu năm	TII/KH	2023/2022	9 th TH/KH
<b>III. Kết quả kinh doanh</b>									
<b>I. Doanh thu</b>		25,744,612	68,403,402	87,459,958	14,495,452	58,318,107	16.57%	56.30%	66.68%
+ Doanh thu bán hàng	1.000đ	26,500,419	70,917,703	91,980,000	15,606,425	61,694,486	16.97%	58.89%	67.07%
Doanh thu bóng thể thao	1.000đ	21,146,888	60,584,627	80,500,000	15,307,078	54,098,489	19.02%	72.38%	67.20%
+ Doanh thu tài chính	"	104,080	164,264	-	888	22,360		0.85%	
+ Thu nhập khác	"	-		-	-	36,363			
- Các khoản giảm trừ doanh thu		(859,887)	(2,678,565)	(4,520,042)	(1,111,861)	(3,435,102)	24.60%	129.30%	76.00%
<b>2. Chi phí</b>	"	25,358,895	67,211,595	85,709,958	14,410,038	57,430,376	16.81%	56.82%	67.01%
a. Giá vốn hàng bán	"	21,143,847	54,987,149	65,632,958	10,808,597	45,066,825	16.47%	51.12%	68.66%
Giá vốn hàng thể thao	"	16,031,223	45,287,429	53,132,958	10,724,341	38,145,770	20.18%	66.90%	71.79%
b. Chi phí bán hàng	"	1,228,472	3,448,226	7,510,000	885,250	3,333,365	11.79%	72.06%	44.39%
c. Chi phí QLDN	"	2,862,657	8,331,544	11,817,000	2,562,656	8,581,864	21.69%	89.52%	72.62%
d. Chi phí tài chính	"	123,919	444,676	750,000	97,464	283,217	13.00%	78.65%	37.76%
e. Chi phí khác	"				56,071	165,105			
<b>3. Lợi nhuận trước thuế</b>	:	385,717	1,191,807	1,750,000	85,414	887,731	4.88%	22.14%	50.73%
<b>4. Thuế TNDN 20%</b>	"	77,143	238,361	350,000	17,083	177,546	4.88%	22.14%	50.73%
<b>5. Lợi nhuận sau thuế</b>	"	308,574	953,446	1,400,000	68,331	710,185	4.88%	22.14%	50.73%

\* Sản lượng sản xuất quý 3/2023 đạt 16,5% kế hoạch năm, bằng 62.12% so với cùng kỳ quý 3 năm 2022 và lũy kế 9 tháng 2023 bằng 66,79% kế hoạch năm. Nguyên nhân chủ yếu do quý 3/2023, công ty cho người lao động nghỉ luân phiên để tiêu thụ sản lượng hàng tồn kho bóng cao su nhằm giảm rủi ro hàng hóa mất, kém phẩm chất không tiêu thụ được, các sản phẩm bóng dán và bóng khâu vượt kế hoạch năm đề ra.

- Trong quý 3/2023 công ty vẫn đưa sản phẩm bóng dán, bóng khâu đi gia công tại các điểm gia công Đồng Nai, Tiền Giang thực hiện nhằm tăng doanh số bán hàng trong quý 3/2023. Ngoài ra, Ban điều hành công ty đã cố gắng cải tiến công nghệ, kiểm soát chất lượng bóng, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng nhằm giảm tỷ lệ hư hỏng, tuy nhiên tỷ lệ phế phẩm vẫn cao do tính trên đầu sản lượng thấp. Cụ thể:

**Phế phẩm trong quá trình sản xuất quý 3/2023 đối với bóng cao su như sau:**

+ Ruột chưa vá (hư hỏng lần đầu chưa khắc phục) là: 8.153 cái với tỷ lệ hư là 6.68% tỉ lệ tăng 2,02% so với quý 2 năm 2023, tỉ lệ hư hỏng sau khi khắc phục lỗi là 1.846 cái với tỉ lệ hư là: 1,15% tỉ lệ tăng 0,02%, so với quý 2 năm 2023.

+ Bóng hủy, bóng B là: 1.223 quả , tỷ lệ hủy là 0,9% tỉ lệ giảm 0,7% so với quý 2 năm 2023 do công đoạn cao su nghỉ luân phiên và nhập số lượng thấp.

+ Chi phí cho sản phẩm hư, xì ruột và thành phẩm quý 3/2021 là: 60.155.477 đồng giảm 92.772.341 đồng so với quý 2 năm 2023.

**Phế phẩm trong quá trình sản xuất bóng dán quý 3 với tổng chi phí: 17.878.763 đồng cụ thể như sau:**

+ Trung thai hư, xì : 527 cái giảm 127 cái so với quý 2/2023

+ Bóng thành phẩm hủy: 35 quả giảm 12 quả so với quý 2/2023

\* Sản lượng tiêu thụ quý 3/2023 đạt 14,64% kế hoạch năm, bằng 55,1% so với cùng kỳ năm 2022 và lũy kế 9 tháng bằng 57.66% so với kế hoạch.

Trong đó: + Xuất khẩu đạt 14,61% kế hoạch năm, bằng 53.45% so với cùng kỳ 2022 và lũy kế 9 tháng bằng 59.68% so với kế hoạch năm.

+ Nội địa đạt 14,67% kế hoạch năm, bằng 56,27% so với năm 2022 và lũy kế 9 tháng bằng 56.29% so với kế hoạch năm.

Từ các số liệu trên cho thấy quý 3/2023 sản lượng tiêu thụ cả nội địa và xuất khẩu đều không đạt kế hoạch. Trong quý 3, công ty đã sử dụng công cụ tăng chiết khấu bán hàng nhằm tiêu thụ sản phẩm tồn kho của quý 2/2023 và tăng tiêu thụ sản phẩm bóng đèn, bóng khâu nhằm tăng lợi nhuận cho công ty.

\* Doanh thu quý 3/2023 là: 15,606 tỷ đồng, đạt 16,97% kế hoạch năm, bằng 58,89% so với cùng kỳ quý 3 năm 2022, và lũy kế 9 tháng năm 2023 bằng 67.07% kế hoạch năm.

\* Lợi nhuận quý 3/2023 là: 85 triệu đồng bằng 4,88% kế hoạch, bằng 22,14% so với cùng kỳ 2022, và lũy kế 9 tháng bằng 887 triệu tương đương 50.73% kế hoạch năm. Các nguyên nhân ảnh hưởng đến lợi nhuận như sau:

+ Giá vốn hàng bán của sản phẩm hàng thể thao bằng 66,9% so với năm 2022 trong khi đó doanh thu bằng 72,38% dẫn đến lợi nhuận gộp từ hàng bóng thể thao tăng.

+ Chi phí bán hàng:

Khoản mục chi phí	Kế hoạch	Năm 2022		Năm 2023		So sánh (%)		
		Quý 3	Lũy kế	Quý 3	Lũy kế	quý 3-2023/2022	TH/KH	9 tháng TH/2022
Chi phí nhân viên	1,633.943	343.072	1,116.126	302.696	1,111.903	88.2%	18.5%	99.6%
Vật liệu bao bì	3,066.856	293.574	803.673	238.801	783.205	81.3%	7.8%	97.5%
Dụng cụ, đồ dùng	50.000	0.000	15.000	0.000	0.000		0.0%	0.0%
Chi phí quảng cáo, hoa hồng	1,260.000	0.000	106.875	0.000	111.150	#DIV/0!	0.0%	104.0%
Chi phí bằng tiền	207.601	238.983	490.345	152.133	552.157	63.7%	73.3%	112.6%
Chi phí vận chuyển	1,291.600	352.844	916.207	191.620	774.950	54.3%	14.8%	84.6%
Cộng	7,510.000	1,228.473	3,448.226	885.250	3,333.365	72.1%	11.8%	96.7%

Tổng chi phí bán hàng quý 3/2023: 885 triệu đồng, bằng 72,1% cùng kỳ, bằng 11,8% so với kế hoạch năm 2023. Từ các khoản mục chi phí cho thấy tất cả các khoản mục đều giảm hơn cùng kỳ quý 2 năm 2022.

+ Chi phí quản lý:

Khoản mục chi phí	Kế hoạch	Năm 2022		Năm 2023		So sánh (%)		
		Quý 3	Lũy kê	Quý 3	Lũy kê	Quý 3-2023/2022	TH/KH	TH/2022
Chi phí nhân công	5,643.008	1,647.935	4,981.031	1,372.796	4,637.203	83.30%	24.33%	93.10%
Dụng cụ, đồ dùng	240.000	149.963	317.754	57.591	204.309	38.40%	24.00%	64.30%
Khấu hao TSCĐ	300.000	70.103	210.309	70.103	210.309	100.00%	23.37%	100.00%
Thuế, phí	675.000	174.827	499.847	291.774	890.344	166.89%	43.23%	178.12%
Chi phí dự phòng	900.000	270.000	675.000	337.500	1,012.500	125.00%	37.50%	150.00%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,260.992	549.829	1,647.603	432.894	1,627.198	78.73%	19.15%	98.76%
<b>Tổng cộng</b>	<b>10,019.000</b>	<b>2,862.657</b>	<b>8,331.544</b>	<b>2,562.658</b>	<b>8,581.863</b>	<b>89.52%</b>	<b>25.58%</b>	<b>103.00%</b>

Tổng chi phí QL trong quý 3: 2,562 tỷ bằng 89.52% so với cùng kỳ quý 2/2022, trong đó chủ yếu tăng tại khoản mục: chi phí thuê đất và trích chi phí dự phòng nợ phải thu, còn lại các khoản mục khác đều giảm.

+ Chi phí tài chính:

Khoản mục chi phí	Kế hoạch	Năm 2022		Năm 2023		So sánh (%)		
		Quý 3	Lũy kê	Quý 3	Lũy kê	Quý 3-2023/2022	TH/KH	TH/2022
Lãi vay	750.000	120.382	440.792	102.483	283.217	85.13%	14%	64%
Chênh lệch tỷ giá		3.536	3.883	-2.290	2.729	-64.76%	#DIV/0!	70%
<b>Tổng cộng</b>	<b>750.000</b>	<b>123.918</b>	<b>444.675</b>	<b>100.193</b>	<b>285.946</b>	<b>80.85%</b>	<b>38.13%</b>	<b>64.30%</b>

Tổng chi phí tài chính quý 3/2023: 100.193 triệu đồng bằng 80,85% so với cùng kỳ 2022.

## II/ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THEO NGHỊ QUYẾT QUÝ 2 NĂM 2023 CỦA HĐQT

### 1/ Thực hiện quý 3/2023:

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch như kết luận cuộc họp HĐQT quý 2/2023 đã đề ra. Các chỉ tiêu sản xuất, tiêu thụ và lợi nhuận đều không đạt.

- Sản lượng tồn kho tại thời điểm 30/9/2023: 92.260 quả, bằng 329.67% so với đầu năm.

Trong đó: + Bóng cao su: 75.722 quả, bằng 395.17% so với lượng tồn kho đầu năm.

+ Bóng dán: 11.536 quả bằng 172.23% so với lượng tồn kho đầu năm.

+ Bóng khâu: 5.002 quả bằng 235.39% so với lượng tồn kho đầu năm.

- Trong quý 3/2023, Công ty cho người lao động nghỉ luân phiên để giảm lượng hàng sản xuất trong kỳ, tận trung giải quyết lượng hàng tồn kho trong xưởng do đó thu nhập của người lao động trong quý giảm so với kế hoạch năm.

- Trong quý 3/2023, Công ty thực chi trả thù lao cho TV HĐQT theo nghị quyết, tuy nhiên chưa khấu trừ phần vượt chi của quý 1+quý 2/2023.

- Đã thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông ngày 25/9/2023, chi trả cho Tập đoàn đúng theo công văn nhắc nhở.

- Chưa thực hiện bổ nhiệm Người quản trị công ty theo quy định của Luật DN 2020.

- Chưa thực hiện phương án tái cấu trúc công ty giai đoạn 2021-2026 tầm nhìn 2030 trình Tập đoàn.

## 2/ Một số vấn đề khác của Công ty:

### a/ Về tình hình tiền lương, các chế độ cho người lao động:

- Công ty đã thực hiện tiền lương quý 3 năm 2023: Tổng quỹ lương đã thực hiện: 2,787 tỷ đồng giảm 1,165 triệu đồng so với quý 2 năm 2023 do: quý 3 cho người lao động nghỉ luận phiên, khối văn phòng doanh thu tiêu thụ không đạt kế hoạch, trong đó:

+ Lương quản lý : 360 triệu đồng (6 người); Lương bình quân: 20 triệu đồng/người/tháng giảm bình quân 4 triệu/người/tháng so với quý 2/2023.

+ Lương người lao động: 2,427 tỷ đồng (129 người); Lương bình quân: 6,255 triệu đồng/người/tháng.

+ Lương đóng BHXH: 2,897 tỷ đồng (136 người) giảm 4 người so với quý 2/2023; Lương bình quân: 7,083 triệu đồng/người/tháng.

### b/ Quản lý công nợ, các khoản phải thu

+ Các khoản phải thu ngắn hạn cuối kỳ: 14.874 tỷ đồng. Trong đó:

\* Phải thu ngắn hạn khách hàng: 14,368 tỷ đồng.

#### Phân chia theo tuổi nợ:

Từ 1-6 tháng: 65 khách hàng với công nợ: 8,084 tỷ đồng

Từ > 3 năm 12 khách hàng với công nợ: 6,305 tỷ đồng

(trong đó: đã trích lập dự phòng: 2,628 tỷ đồng theo sổ sách và trích trước chi phí 1,012 tỷ đồng chưa đưa vào trích lập dự phòng vì phải lập đầy đủ giấy tờ vào cuối năm)- chú ý hạch toán cho phù hợp với hệ thống kế toán Việt nam (TK 2293) vì sẽ ảnh hưởng đến số dư tổng tài sản và tổng nguồn vốn.

#### Phân chia công nợ theo địa lý:

+ Chi nhánh Hà nội: 18 khách hàng - công nợ : 1,027 tỷ đồng (1 khách hàng >3 năm công nợ: 3.089.962 đồng, còn lại đều trong hạn thanh toán.)

+ Xuất khẩu: 4 khách hàng- công nợ 8,756 tỷ đồng (1 khách hàng > 3 năm công nợ 5,557 tỷ trích dự phòng 1,8 tỷ đồng, còn lại đều trong hạn thanh toán).

+ Nội địa tại văn phòng công ty 42 khách hàng- công nợ 3,868 tỷ đồng (2 khách hàng >3 năm công nợ 28,483 triệu đồng, còn lại đều trong hạn thanh toán)

\* Trả trước cho người bán: 155 triệu đồng (trong đó đã lập dự phòng phải thu 3 khách hàng là: -69.543.700 đồng)

\* Phải thu khác: 2,978 tỷ đồng, trong đó:

Tạm ứng cuối kỳ : 638 triệu đồng

Ký quỹ ký cược: 10 triệu đồng

Phải thu về bảo hiểm NLD: 96 triệu đồng

Phải thu khác: 2,234 tỷ đồng (trong đó: Phải thu lương NLĐ: 1,444 tỷ đồng, phải thu NQL: 161 triệu đồng)

**D- KIẾN NGHỊ:**

- Tìm kiếm khách hàng trong và ngoài nước tăng doanh số bán hàng cố gắng hoàn thành Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Thực hiện mảng kinh doanh cao su nhằm đạt kế hoạch doanh thu theo kế hoạch năm 2023.
- Cần mở rộng các sản phẩm thể thao khác (cần nghiên cứu thị trường) để tăng lợi nhuận cho công ty.
- Xem xét việc nộp thuế thay cho các chiết khấu bán hàng đối với các hộ kinh doanh cá thể thuộc về ai, chi phí của doanh nghiệp hay thu hộ kinh doanh.
- Thực hiện ký hợp đồng gia công, khoán công việc đúng quy định của nhà nước tránh trường hợp bị các cơ quan có thẩm quyền xử phạt về trốn đóng BHXH.
- Tiết giảm các chi phí sản xuất, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp nhằm đảm bảo lợi nhuận Tập đoàn giao.
- Tiếp tục bổ sung các quy chế tại các bộ phận nhằm hoàn thiện hệ thống văn bản trong công ty để dễ dàng thực hiện.
- Duy trì việc xây dựng hình ảnh thương hiệu, công tác chính sách xã hội, các hoạt động của Đảng và các đoàn thể.

**E- KH Quý 4/2023 BKS:**

- Thẩm định báo cáo tài chính Quý 3/2023;
- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý 4 và cả năm 2023;
- Giám sát công tác kiểm kê lập báo cáo Tài chính năm 2023;
- Kiểm tra giám sát công tác kiểm kê tài sản cuối năm;
- Tình hình chấp hành các chế độ chính sách pháp luật của nhà nước và thực hiện quy chế nội bộ, nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Giám sát tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn;
- Giám sát việc thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, thưởng.. quyết toán quỹ tiền lương;
- Hợp Ban Kiểm soát đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch năm 2023 và đề ra kế hoạch hoạt động năm 2024.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát quý 3 năm 2023, kính gửi Hội đồng Quản trị xem xét.

Trân trọng!

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**VÕ TRẦN THÚY TÂM**

Nơi nhận:

- HĐQT;
- BTGD;
- Lưu BKS.